

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

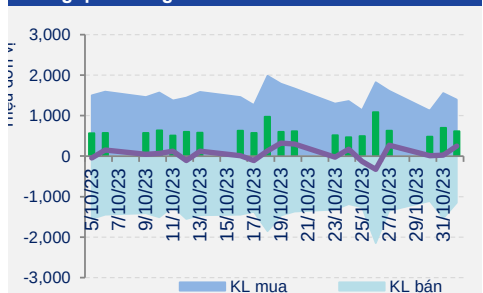
1/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

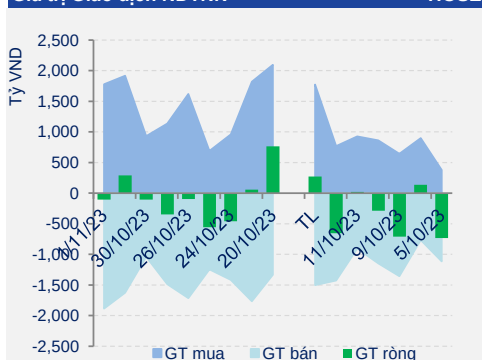
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,039.66	209.65
% Thay đổi	↑ 1.12%	↑ 1.69%
KLGD (CP)	616,355,809	98,563,869
GTGD (tỷ đồng)	13,045.07	1,501.90
Tổng cung (CP)	1,152,880,314	116,736,400
Tổng cầu (CP)	1,399,335,516	149,435,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	55,836,193	1,321,053
KL mua (CP)	64,794,229	15,399,800
GT mua (tỷ đồng)	1,778.17	220.84
GT bán (tỷ đồng)	1,885.54	19.80
GT ròng (tỷ đồng)	(107.37)	201.04

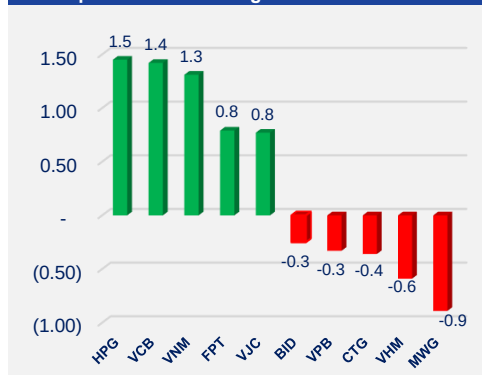
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 02 tháng liên tiếp giảm điểm mạnh từ vùng 1.250 điểm về vùng giá 1.020 điểm -1.025 điểm, tương ứng giảm hơn 220 điểm, VN-INDEX đã có phiên khởi đầu tháng 11/2023 cải thiện tốt hơn. Đầu phiên VN-INDEX vẫn chịu áp lực bán về vùng 1.020 điểm tuy nhiên tín hiệu tích cực xuất phát từ nhóm cổ phiếu chứng khoán khi duy trì tăng điểm và khối ngoại mua ròng mạnh. VN-INDEX phục hồi mạnh sau 14h với thanh khoản cải thiện và lực cầu mua lên gia tăng qua đó giúp VN-INDEX kết phiên tăng 11,47 điểm (+1,12%) lên mức 1.039,66 điểm, cao hơn mức giá thấp nhất tuần trước. HNX-INDEX kết phiên tăng 3,48 điểm (+1,69%) lên mức 209,65 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết cải thiện tích cực trở lại sau nhiều phiên chịu áp lực bán mạnh với 422 mã tăng giá (13 mã tăng trần), 240 mã giảm giá (14 mã giảm sàn) và 125 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 14.543 tỷ đồng, giảm 13,27% so với phiên trước, dưới mức trung bình, cho thấy mức độ phục hồi vẫn chưa đồng đều, nhiều mã, nhóm mã phục hồi với thanh khoản kém. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, bán ròng với giá trị 107,37 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng mạnh ở nhóm bất động sản, bán lẻ; mua ròng khá đột biến trên HNX với giá trị 201,04 tỷ đồng, trong đó mua ròng đột biến SHS (178 tỷ đồng) là động lực để nhóm chứng khoán phục hồi tốt.

Thị trường đón nhận thông tin PMI của ngành Sản xuất Việt Nam tháng 10 giảm về mức 49,6 so với 49,7 điểm của tháng 9, vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm. Kết quả này cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất suy giảm tháng thứ hai liên tiếp. Nguyên nhân là do sản lượng tiếp tục giảm tháng thứ hai liên tiếp. Trong khi số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ ba liên tiếp khi nhu cầu khách hàng có các dấu hiệu cải thiện;

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán hai phiên giao dịch chịu áp lực bán mạnh đã phục hồi tốt trở lại, thu hút lực cầu gia tăng với thanh khoản cải thiện, nổi bật trong thị trường với SHS (+9,30%), MBS (+8,12%), CTS (+6,96%), AGR (+6,81%), VCI (+6,75%), HCM (+6,56%)....

Các cổ phiếu nhóm thép với những diễn biến khá tích cực so với thị trường chung trong những phiên trước, khi tình hình kinh doanh cải thiện, giá thép phục hồi cũng tăng giá tốt, có tác động khá tích cực đến tâm lý nhà đầu tư với HPG (+4,13%), HSG (+4,12%), VGS (+3,68%)...

Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp có diễn biến phục hồi tốt ở đầu phiên, cuối phiên tăng giá tốt, nhưng thanh khoản chưa cải thiện như DTD (+5,49%), KBC (+4,71%), VGC (+3,42%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản lại đa số lại chịu áp lực bán khá mạnh ở đầu phiên và chỉ phục hồi tốt, tăng điểm cuối phiên, thanh khoản suy giảm như CII (+4,68%), CEO (+2,54%), DXG (+1,20%), DIG (+1,98%)... ngoài VHM (-1,41%) ... vẫn chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản đột biến.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 tăng 7,8 điểm (+0,75%), chênh lệch âm trở lại -4,15 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm 10,63% so với phiên trước, trên mức trung bình, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên vẫn ở mức cao, nhưng có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ âm -5,65 điểm đến -10,65 điểm, kỳ hạn VN30F2312 thấp nhất, thể hiện các trader sau khi kỳ vọng VN30 sẽ hồi phục ngắn hạn phiên trước, lại nghiêng về khả năng điều chỉnh của VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Phiên hồi phục có ý nghĩa giải tỏa tâm lý đang khá hoảng loạn của thị trường sau nhiều phiên giá cổ phiếu giảm mạnh. Chốt phiên giao dịch VnIndex tăng 11,47 điểm (+1.12%) và đóng cửa ở 1.039,66 điểm. Tuy nhiên như đã phân tích trong các bản tin trước, do thị trường đang trong vùng quá bán nên việc hồi phục ngắn hạn là có thể xảy ra tuy nhiên đây chỉ là nhịp hồi kỹ thuật và không thay đổi nhiều trạng thái thị trường do VnIndex đã giảm về vùng giá tích lũy đầu năm. Trong ngắn hạn VN-Index nhiều khả năng vận động swing trong khu vực 1.015 điểm -1.075 điểm để hướng đến vùng cân bằng mới, ngưỡng kháng cự gần nhất tại 1.045 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index khả năng sẽ một lần nữa tích lũy lại quanh khu vực 1.000 điểm – 1.100 điểm như thời điểm đầu năm 2023 và chúng tôi hy vọng thị trường sẽ tìm được vùng cân bằng mới, tuy vậy với biên độ dao động mạnh vừa qua thời gian hình thành nền tích lũy mới sẽ kéo dài. VnIndex hiện vẫn nằm trên ngưỡng 1.000 điểm nên chưa trở lại xu hướng Downtrend.

Thị trường đã rơi trở lại vùng tích lũy trung hạn trước đây và rất có thể sẽ tiến đến trạng thái tích lũy lại, trong ngắn hạn VnIndex có thể sẽ tiếp tục có nhịp hồi phục sau phiên tăng điểm hôm nay, tuy nhiên mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật hàm chứa rủi ro do có thể kết thúc bất ngờ khó dự báo. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã được cơ cấu tốt theo khuyến nghị từ đầu sóng của chúng tôi, chờ thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PHR	43.05	46-48	57-59	43	6.6	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	17.30	15-16	24-25	17.5	15.6	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	26.70	25-26.5	31-32	24	14.1	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	26.20	25-27	31-32	25	20.4	7.7%	-24.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	34.35	30-33	45-46	28	7.4	-29.0%	-52.5%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	22.85	20.5-21.5	26-27	19	15.9	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	28.00	25-27	30-31	22	9.2	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	19.20	17.5-18.5	27-29	19	4.8	-46.7%	-46.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	33.80	30-32	36-37	29	18.3	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	61.80	52-54	62-64	50	8.1	-6.7%	471.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	28.95	26-28	31-33	24	6.2	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	22.90	19.5-21.5	26-27	19	9.0	40.2%	-4.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	24.50	20.5-22	26-27	19	24.2	9.8%	-59.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	23.95	22-23.5	27-28	20	74.4	-16.5%	213.0%	Theo dõi chờ giải ngân
CTD	50.30	48-50	65-67	45	36.2	10.2%	226.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	23.00	21-22	27-28	20	7.9	9.5%	-8.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	29.6	25.9	35-37	30	14.1%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	26.7	25.8	31-32	24	3.5%	Giải ngân giá 25.8
1/11/2023	BVS	22.9	22.3	26-27	20	2.7%	Giải ngân giá 22.3
1/11/2023	DTD	19.2	18.6	26-27	17	3.2%	Giải ngân giá 18.6



TIN VĨ MÔ

Xuất khẩu nông sản Việt Nam giữ vững đà tăng trưởng

Nông sản Việt Nam ghi nhận nhiều kết quả tích cực, nhất là mặt hàng gạo khi có mức xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc trong thời gian gần đây. Cùng với đó, vượt qua nhiều mặt hàng trái cây nhiệt đới, sầu riêng trở thành loại trái cây “vua” khi có giá trị xuất khẩu khá lớn... Báo cáo về xuất khẩu nông sản cuối tháng 10/2023 của HSBC cho thấy, mặc dù 90% xuất khẩu của Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực bởi suy thoái thương mại trong năm nay, nhưng riêng nông sản (chiếm 10% còn lại) vẫn vươn lên bất chấp nghịch cảnh.

PMI tháng 10 tiếp tục dưới ngưỡng trung bình, đơn đặt hàng mới tăng yếu

Sáng 1/11, S&P Global công bố báo cáo Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 10/2023. Trong đó, có 3 điểm nhấn nổi bật là sản lượng giảm tháng thứ hai liên tiếp; việc làm ổn định; chi phí đầu vào tăng thành mức cao của 8 tháng. Cụ thể, Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 10, khi giảm về mức 49,6 điểm so với 49,7 điểm của tháng 9. Kết quả này cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất suy giảm tháng thứ hai liên tiếp...

Giá xăng lên sát 24.000 đồng một lít

Mỗi lít xăng tăng 250-410 đồng, còn dầu giảm 370-540 đồng, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 410 đồng, lên 23.920 đồng; E5 RON 92 tăng 250 đồng, lên 22.610 đồng một lít. Trong khi đó, các mặt hàng dầu đều giảm, dao động 16.240-22.300 đồng một lít, kg. Kỳ điều hành hôm nay, liên Bộ tiếp tục không trích lập vào Quỹ bình ổn giá và dùng chi sử dụng từ quỹ này.

Thống đốc Nguyễn Thị Hồng: Lãi suất cho vay đã giảm 0,3% so với thời kỳ trước COVID-19

Theo Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng, nếu tính cả những khoản dư nợ của các khoản cho vay cũ và vay mới lãi suất cho vay hiện giảm khoảng 1% so với năm 2022 và bằng hoặc thấp hơn 0,3% so với trước đại dịch COVID-19. Phát biểu tại phiên thảo luận ở hội trường về đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024... Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Nguyễn Thị Hồng cho biết, mặc dù lãi suất thế giới tăng cao nhưng Ngân hàng Nhà nước cũng mạnh dạn điều chỉnh bốn lần giảm lãi suất điều hành

**TIN DOANH NGHIỆP****Vietnam Airlines (HVN) lỗ hợp nhất hơn 2.200 tỷ đồng trong quý III/2023**

Dù Tổng công ty hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines, mã chứng khoán HVN - sàn HOSE) đã giảm lỗ hơn trong quý III/2023 so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn khó, cổ phiếu HVN vẫn đang bị kiểm soát. Vietnam Airlines vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2023. Tại báo cáo tài chính riêng, lợi nhuận sau thuế quý III/2023 của Công ty đạt âm 1.760 tỷ đồng, giảm so với con số âm 2.210 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái. Tại báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận sau thuế HVN cũng ghi nhận âm 2.203 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm ngoái lỗ 2.545 tỷ đồng.

Quý 3 lãi gấp 7 lần cùng kỳ, BSR vượt gần 3 lần kế hoạch lợi nhuận năm

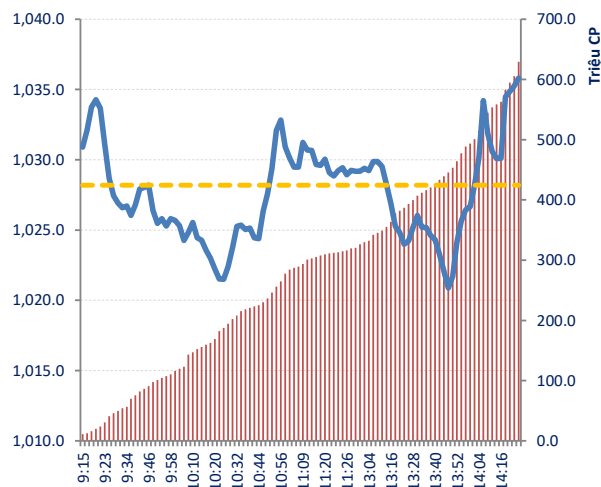
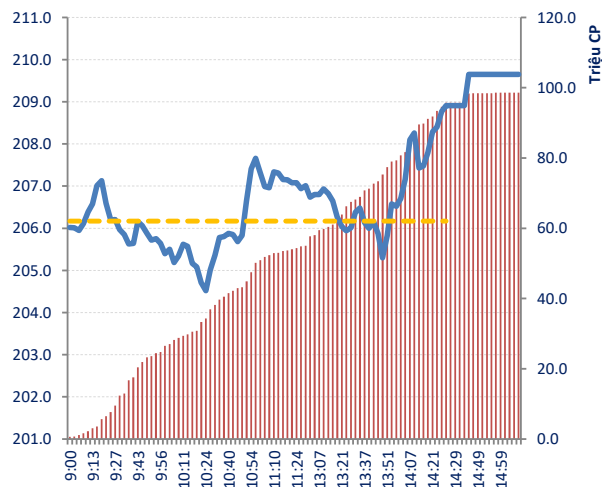
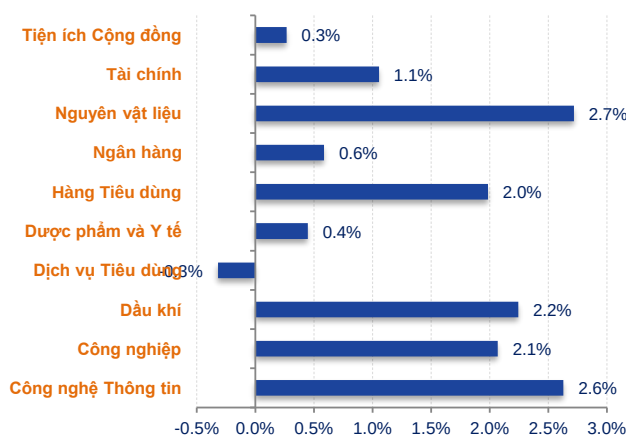
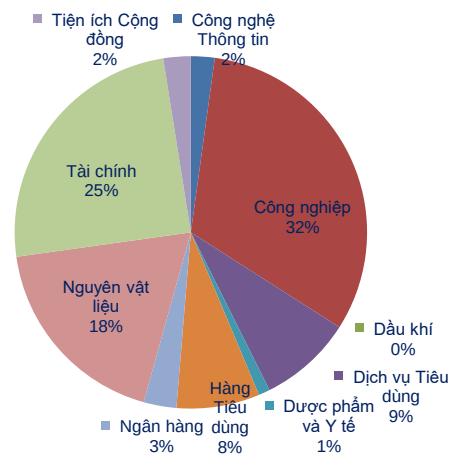
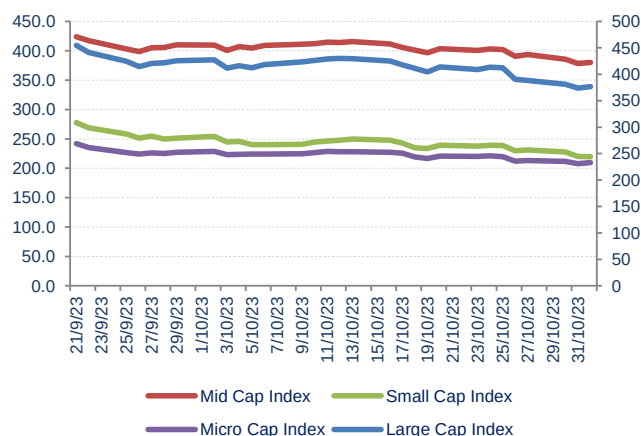
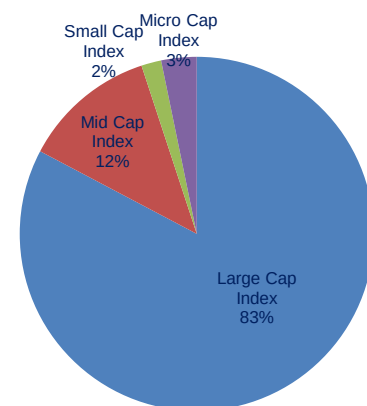
Nhờ chênh lệch cracking spread (khoảng cách giá sản phẩm và giá dầu thô) tốt hơn cùng kỳ, CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (UPCoM: BSR) đạt mức lợi nhuận khủng trong quý 3/2023, qua đó vượt xa kế hoạch lợi nhuận năm. Trong quý 3, BSR đạt gần 37.8 ngàn tỷ đồng doanh thu thuần, thấp hơn cùng kỳ 5%. Tuy nhiên, giá vốn giảm tới 13%, ghi nhận gần 34 ngàn tỷ đồng. Sau khi khấu trừ, BSR lãi gộp hơn 3.8 ngàn tỷ đồng, gấp gần 6 lần quý 3/2022. Với lãi gộp tăng mạnh, các chỉ tiêu khác dù biến động cũng tác động không đáng kể. Kết quả, BSR lãi ròng gần 3.3 ngàn tỷ đồng, gấp gần 7 lần cùng kỳ.

Lãi quý III/2023 của City Auto (CTF) cải thiện, gần gấp đôi nửa đầu năm

Doanh nghiệp đang có sự kỳ vọng sẽ bứt phá hơn trong quý IV - quý mùa vụ của ngành bán lẻ, đặc biệt là sự đóng góp thêm của Showroom Ford lớn nhất Đông Nam Á. Theo đó, kết thúc quý III/2023, CTF ghi nhận doanh thu thuần 1.692,7 tỷ đồng, tăng 14%, lợi nhuận gộp 80,5 tỷ đồng. Trong kỳ, CTF có doanh thu tài chính tăng vọt lên hơn 72 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ gần 12 tỷ đồng, tuy nhiên chi phí tài chính (chủ đạo là chi phí lãi vay) cũng tăng vọt lên hơn 41 tỷ đồng, gấp 2,15 lần cùng kỳ. Các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp biến động không đáng kể.

VNG (VNZ) tiếp tục lỗ thêm 116,96 tỷ đồng trong quý III/2023

CTCP VNG (mã VNZ - UPCoM) ghi nhận lỗ 116,96 tỷ đồng trong quý III, lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 ghi nhận lỗ 310,56 tỷ đồng. Trong quý III/2023, VNG ghi nhận doanh thu đạt 2.332,9 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ ghi nhận lỗ 116,96 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 141,48 tỷ đồng. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 44,9%, về 41,9%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, VNG ghi nhận doanh thu đạt 6.431,3 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ ghi nhận lỗ 310,56 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 422,88 tỷ đồng.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	3,898,516	VHM	18,049,915	1	SHS	13,184,700	IPA	21,000
2	VND	3,604,200	MWG	5,301,812	2	CEO	350,500	IVS	14,900
3	PDR	3,096,400	VPB	1,726,090	3	IDC	223,100	ONE	8,700
4	VIX	3,026,600	HDB	1,210,386	4	TNG	113,000	TA9	8,000
5	VCI	2,910,600	CTG	898,169	5	HUT	63,300	NVB	6,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	12.05	12.80	↑ 6.22%	38,898,700	SHS	12.90	14.10	↑ 9.30%	47,367,812
HPG	23.00	23.95	↑ 4.13%	35,559,800	CEO	19.70	20.20	↑ 2.54%	10,760,413
SSI	25.75	27.15	↑ 5.44%	30,977,100	HUT	16.60	17.50	↑ 5.42%	6,861,951
VND	16.30	17.35	↑ 6.44%	24,470,100	MBS	16.00	17.30	↑ 8.13%	4,455,664
VHM	39.00	38.45	↓ -1.41%	22,970,000	PVS	33.00	33.80	↑ 2.42%	4,197,193

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CTS	19.40	20.75	1.35	↑ 6.96%	VCC	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
PNC	9.34	9.99	0.65	↑ 6.96%	TJC	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
VOS	8.40	8.98	0.58	↑ 6.90%	SMT	5.30	5.80	0.50	↑ 9.43%
PTC	4.95	5.29	0.34	↑ 6.87%	SDG	19.10	20.90	1.80	↑ 9.42%
ELC	19.70	21.05	1.35	↑ 6.85%	HAT	34.00	37.20	3.20	↑ 9.41%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAS	7.00	6.51	-0.49	↓ -7.00%	KHS	11.00	9.90	-1.10	↓ -10.00%
DTA	6.90	6.42	-0.48	↓ -6.96%	TKG	8.10	7.30	-0.80	↓ -9.88%
VMD	17.25	16.05	-1.20	↓ -6.96%	VCM	19.30	17.40	-1.90	↓ -9.84%
GMC	8.06	7.50	-0.56	↓ -6.95%	VC7	14.30	12.90	-1.40	↓ -9.79%
FDC	12.25	11.40	-0.85	↓ -6.94%	VMS	30.50	27.70	-2.80	↓ -9.18%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	38,898,700	8.2%	1,005	12.0	0.9
HPG	35,559,800	1.9%	322	71.5	1.3
SSI	30,977,100	8.9%	1,346	19.1	1.7
VND	24,470,100	7.8%	957	17.0	1.3
VHM	22,970,000	25.0%	9,468	4.1	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	47,367,812	5.4%	643	20.1	1.0
CEO	10,760,413	6.7%	955	20.6	1.6
HUT	6,861,951	0.8%	122	136.4	1.3
MBS	4,455,664	10.4%	1,104	14.5	1.4
PVS	4,197,193	6.7%	1,846	17.9	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	↑ 7.0%	7.9%	1,020	19.0	1.4
PNC	↑ 7.0%	7.2%	1,150	8.1	0.6
VOS	↑ 6.9%	4.4%	493	17.1	0.8
PTC	↑ 6.9%	-2.1%	(311)	-	0.3
ELC	↑ 6.9%	4.2%	666	29.6	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VCC	↑ 10.0%	7.4%	843	11.9	0.9
TJC	↑ 10.0%	21.9%	3,680	4.3	1.0
SMT	↑ 9.4%	15.5%	1,963	2.7	0.4
SDG	↑ 9.4%	2.1%	970	19.7	0.5
HAT	↑ 9.4%	26.3%	5,080	6.7	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	3,898,516	1.9%	322	71.5	1.3
VND	3,604,200	7.8%	957	17.0	1.3
PDR	3,096,400	1.6%	200	104.6	1.6
VIX	3,026,600	8.2%	1,005	12.0	0.9
VCI	2,910,600	5.7%	911	35.8	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	13,184,700	5.4%	643	20.1	1.0
CEO	350,500	6.7%	955	20.6	1.6
IDC	223,100	17.0%	3,177	13.4	2.5
TNG	113,000	13.4%	1,776	10.0	1.1
HUT	63,300	0.8%	122	136.4	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	485,133	22.6%	6,013	14.4	3.0
BID	203,353	17.6%	3,887	10.3	1.7
GAS	175,930	19.0%	5,283	14.5	2.8
VHM	169,820	25.0%	9,468	4.1	0.9
VPB	158,678	9.7%	1,524	13.1	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,773	6.7%	1,846	17.9	1.2
HUT	14,816	0.8%	122	136.4	1.3
IDC	14,025	17.0%	3,177	13.4	2.5
THD	13,667	2.9%	460	77.2	2.2
KSF	12,000	1.3%	308	130.1	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.59	-0.2%	(32)	-	0.6
GEX	2.72	2.0%	511	33.9	0.7
VIX	2.64	8.2%	1,005	12.0	0.9
DGW	2.51	16.6%	2,563	16.4	2.6
VPH	2.48	-2.0%	(218)	-	0.6

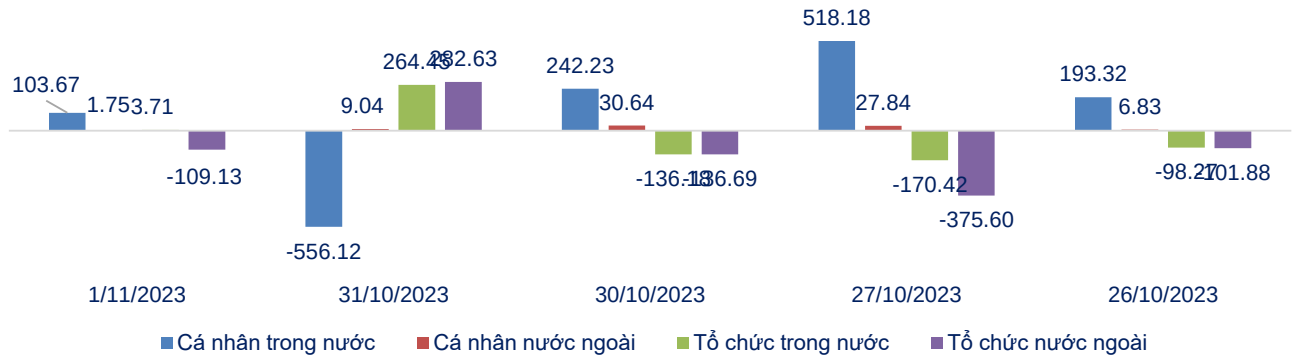
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.34	6.2%	682	21.0	1.3
IVS	2.45	3.4%	362	21.6	0.7
C69	2.39	2.8%	348	18.1	0.5
VC2	2.28	2.2%	305	27.5	0.6
SHS	2.27	5.4%	643	20.1	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	732.07	25.0%	9,468	4.1	0.9
MWG	199.64	3.0%	476	79.2	2.4
EVF	99.47	9.0%	1,129	9.7	0.9
FPT	96.83	22.3%	4,815	17.2	3.7
DPM	16.22	12.3%	4,017	7.1	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-116.77	1.9%	322	71.5	1.3
VCI	-101.63	5.7%	911	35.8	2.0
PDR	-75.63	1.6%	200	104.6	1.6
VND	-59.96	7.8%	957	17.0	1.3
VNM	-55.68	24.4%	4,029	16.9	4.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	13.92	8.9%	1,346	19.1	1.7
CTG	1.69	15.7%	3,773	7.3	1.1
HCM	1.38	7.8%	1,356	18.0	1.4
DGC	1.34	29.7%	9,010	8.8	2.4
VIX	1.12	8.2%	1,005	12.0	0.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-12.67	22.4%	4,290	4.0	1.0
DBC	-2.65	-1.3%	(250)	-	0.9
YEG	-1.32	1.8%	542	32.9	1.0
SHB	-1.27	15.9%	2,036	5.0	0.7
HPG	-1.09	1.9%	322	71.5	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	34.63	2.0%	511	33.9	0.7
STB	33.03	17.5%	3,825	7.1	1.2
CTG	30.74	15.7%	3,773	7.3	1.1
VPB	28.45	9.7%	1,524	13.1	1.1
HPG	25.52	1.9%	322	71.5	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-99.18	9.0%	1,129	9.7	0.9
FPT	-96.86	22.3%	4,815	17.2	3.7
SSI	-66.85	8.9%	1,346	19.1	1.7
VHM	-28.77	25.0%	9,468	4.1	0.9
VIX	-17.41	8.2%	1,005	12.0	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	97.70	5.7%	911	35.8	2.0
HPG	92.35	1.9%	322	71.5	1.3
PDR	62.66	1.6%	200	104.6	1.6
SSI	60.80	8.9%	1,346	19.1	1.7
VND	59.87	7.8%	957	17.0	1.3

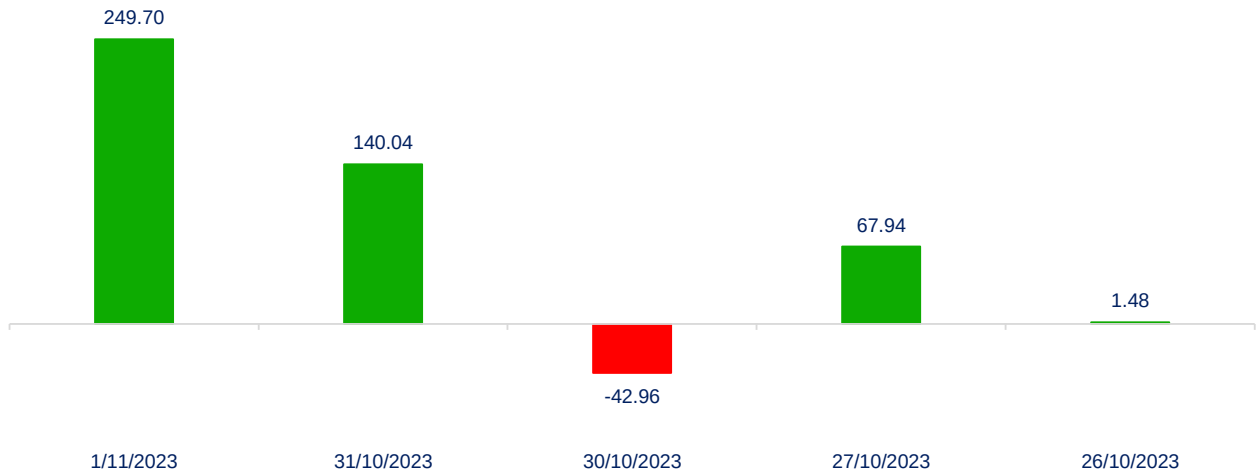
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-702.88	25.0%	9,468	4.1	0.9
MWG	-188.15	3.0%	476	79.2	2.4
VPB	-34.60	9.7%	1,524	13.1	1.1
CTG	-26.35	15.7%	3,773	7.3	1.1
HDB	-20.53	20.7%	2,926	5.9	1.2

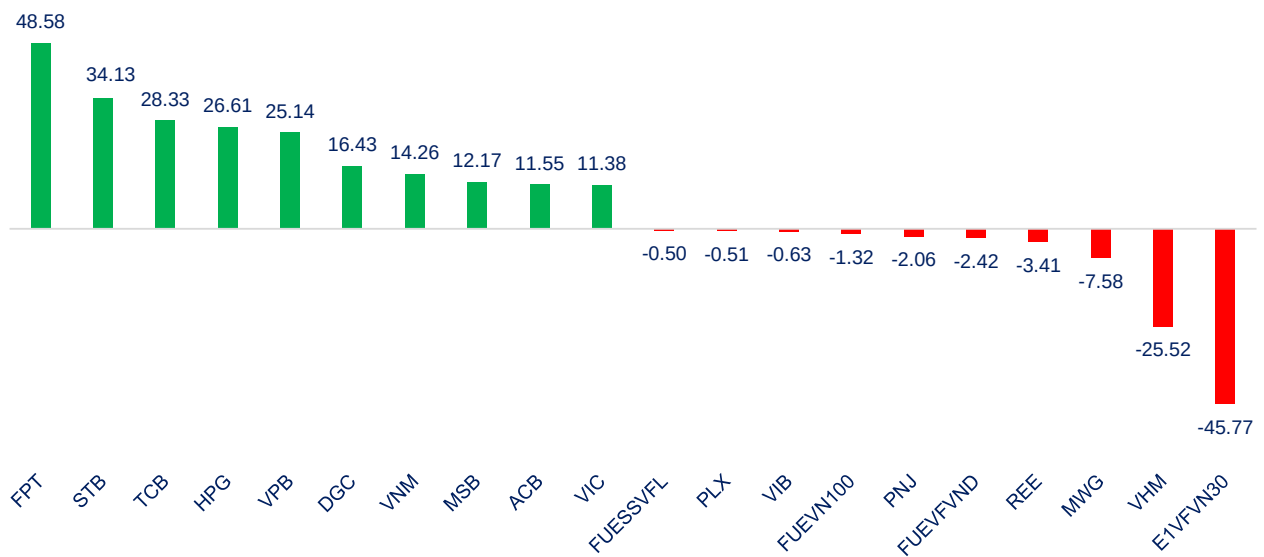


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn